

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Châu Hùng;

- Bà Lữ Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2021/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1978, địa chỉ: số 389, Tổ A, ấp VK2, xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1971, địa chỉ: số 389, Tổ A, ấp VK2, xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà H, ông P vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc H trình bày:

Bà H và ông P, do mai mối và chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, tôi và ông P có sinh 02 con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, nguyên nhân

do ông P thường xuyên cờ bạc và không quan tâm chăm sóc gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông P; yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011; không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi dạy con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng P trình bày: Thống nhất với lời khai của bà H về thời gian, địa điểm chung sống, điều kiện đi đến hôn nhân, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xác định ông và bà H không đăng ký kết hôn, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011 cho bà H nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi dạy con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Xin vắng mặt không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và không tham dự phiên tòa.

Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử công bố:

- Lời khai của bà Nguyễn Thị Trúc H; ông Nguyễn Hồng P.
- Kết quả xác minh do Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang ngày 23/12/2021;
- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc tuân theo pháp luật của đương sự:* Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Có yêu cầu được xét

xử vắng mặt, thuộc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện:

Nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc H trình bày:

Bà H và ông P, do mai mối và chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, tôi và ông P có sinh 02 con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, nguyên nhân do ông P thường xuyên cờ bạc và không quan tâm chăm sóc gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông P; yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011; không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi dạy con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng P: Thống nhất với lời khai của bà H về thời gian, địa điểm chung sống, điều kiện đi đến hôn nhân, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xác định ông và bà H không đăng ký kết hôn, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011 cho bà H nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi dạy con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông P có yêu cầu vắng mặt khi Tòa án triệu tập, hòa giải, đối chất, xét xử.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Nguyễn Hồng P không đăng ký kết hôn.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

Thông qua tìm hiểu, bà H và ông P đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị không công nhận bà H và ông P là vợ chồng.

Về con chung:

Cả hai thống nhất giao 02 con chung Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011 cho bà H nuôi dạy, ông P không phải cấp

đưỡng nuôi dạy con chung. Do đó, đề nghị xét giao con chung cho bà H nuôi dạy, công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung:

Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị không công nhận bà H và ông P là vợ chồng, giao 02 con chung Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011 cho bà H nuôi dạy, ông P không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Trúc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng P. Đồng thời, ông P cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1] *Về vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà H và ông P khai thống nhau là cả hai quen biết vào năm 2004, hôn nhân không có đăng ký kết hôn.

Chứng cứ bà H đưa ra để yêu cầu ly hôn ông P là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Tình cảm không còn và không thể hàn gắn, bà H kiện xin ly hôn ông Phúc.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Nguyễn Hồng P không đăng ký kết hôn.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, bà H và ông P chung sống với nhau từ năm 2004 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:*

Bà H và ông P khai thống nhất nhau là sinh được 02 con chung tên: Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011 hiện do bà H đang nuôi dạy, ông P thống nhất giao 02 con chung cho bà H nuôi dạy, nên chấp nhận và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Bà H và ông P thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[5] *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Trúc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp.

Ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. [Về quan hệ hôn nhân]:

Không công nhận bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Nguyễn Hồng P là vợ chồng.

2. [Về con chung]:

Bà Nguyễn Thị Trúc H được tiếp tục nuôi dạy con chung: Nguyễn Hồng B, sinh năm 2005 và Nguyễn P Th, sinh ngày 27/6/2011, ông Nguyễn Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Trúc H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hồng P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. [Về án phí sơ thẩm]:

Bà Nguyễn Thị Trúc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001799 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. [Về quyền kháng cáo]:

Bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Nguyễn Hồng P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP X (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TP X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hiếu Trung